VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐOÀN HỒNG NGỌC

PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KHU VỰC TƯ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 9 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. BÙI NGUYÊN KHÁNH

2. TS. ĐẶNG VŨ HUÂN

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Mai Thanh

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí

Phản biện 3: PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá Luận án cấp Học viện tại: Học viện Khoa học Xã hội

Vào hồi…….. giờ, ngày…….tháng…….năm 2026

Có thể tham khảo luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tham nhũng trong khu vực tư gắn với việc lạm dụng quyền quản trị, quyền đại diện, quyền quản lý tài sản hoặc thông tin để đạt lợi ích không chính đáng. Hành vi này xâm hại lợi ích của doanh nghiệp và các chủ thể liên quan, làm sai lệch cạnh tranh và phân bổ nguồn lực. Việc kiểm soát cần được nghiên cứu từ cấu trúc quyền lực kinh tế, nghĩa vụ của người được giao quyền và khả năng tổ chức phòng ngừa trong doanh nghiệp.

Pháp luật Việt Nam đã mở rộng phòng, chống tham nhũng sang khu vực ngoài nhà nước và hình thành các công cụ quản trị, minh bạch, kiểm soát chuyên ngành, trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, sự liên kết giữa các công cụ, tiêu chuẩn phòng ngừa và trách nhiệm của tổ chức còn cần được làm rõ. Luật số 132/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đặt ra yêu cầu phân biệt thay đổi của pháp luật với kết quả thực hiện trong giai đoạn trước. Đề tài được lựa chọn để giải quyết những vấn đề đó dưới góc độ Luật kinh tế.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Luận án làm sáng tỏ cơ sở lý luận của tham nhũng và pháp luật phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư; đánh giá pháp luật, thực tiễn Việt Nam; đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện. Các nhiệm vụ gồm tổng quan nghiên cứu; xác lập khái niệm, dấu hiệu, nguyên tắc và nội dung pháp luật; phân tích quy phạm, thực tiễn và nguyên nhân hạn chế; xây dựng giải pháp có căn cứ, điều kiện thực hiện và tính cân xứng đối với doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận, hệ thống quy phạm và cơ chế pháp lý phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tham nhũng trong quan hệ kinh tế tư, cùng thực tiễn thực hiện tại Việt Nam. Luận án tập trung vào kiểm soát quyền lực kinh tế, quyền quản trị và quan hệ đại diện; sử dụng có chọn lọc UNCAC, OECD, pháp luật và kinh nghiệm nước ngoài để so sánh. Thực tiễn được đánh giá trong giai đoạn 2019–2025; pháp luật được cập nhật đến ngày 22/10/2026. Việc áp dụng đối với hành vi cụ thể căn cứ pháp luật có hiệu lực tại thời điểm liên quan.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử; lấy cách tiếp cận Luật kinh tế làm trục, kết hợp kinh tế học pháp luật và quản trị rủi ro. Phương pháp gồm phân tích, tổng hợp, phân tích pháp lý, so sánh luật học, nghiên cứu trường hợp và phân tích tài liệu, dữ liệu thứ cấp. Luận án chưa thực hiện khảo sát doanh nghiệp hoặc phỏng vấn chuyên gia riêng; các vụ việc không phải mẫu đại diện để ước lượng mức độ phổ biến của tham nhũng tư.

Sáu nhóm tiêu chí được sử dụng trong phân tích là: tính đầy đủ và hợp lý của phạm vi điều chỉnh; tính thống nhất, liên thông và không chồng chéo; tính rõ ràng, khả thi và khả năng dự báo; năng lực phòng ngừa, phát hiện, xử lý và khắc phục; tính cân xứng của nghĩa vụ và chi phí tuân thủ; mức độ tương thích hợp lý với chuẩn mực quốc tế và khả năng thích ứng. Đây là công cụ đánh giá định tính, không phải thang điểm định lượng.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án có bốn nhóm đóng góp mới về khoa học. Thứ nhất, làm rõ cách nhận diện tham nhũng từ sự lạm dụng quyền lực kinh tế và quyền quản trị được giao, kết hợp các dấu hiệu về quyền lực, lợi ích không chính đáng và nghĩa vụ bị làm sai lệch để phân biệt với gian lận, xung đột lợi ích và rủi ro kinh doanh. Thứ hai, luận giải cấu trúc pháp luật liên ngành theo năm nhóm nội dung thống nhất giữa lý luận, thực trạng và giải pháp, trong đó quản trị doanh nghiệp và tuân thủ trực tiếp thực hiện chức năng phòng ngừa.

Thứ ba, xác định khoảng cách giữa mức độ bao quát của quy định với khả năng bảo đảm nghĩa vụ ở cấp tổ chức, giữa trách nhiệm cá nhân và doanh nghiệp, giữa thiết lập quy tắc và chứng minh hiệu quả kiểm soát. Thứ tư, đề xuất phân hóa nghĩa vụ theo quy mô, lĩnh vực và rủi ro, gắn trách nhiệm quản trị với tuân thủ thực chất, bảo vệ nguồn tin và sử dụng dữ liệu có kiểm soát. Kết quả nghiên cứu bổ sung cách tiếp cận Luật kinh tế, cung cấp luận cứ cho xây dựng và thi hành pháp luật, quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu và giảng dạy.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, danh mục công trình công bố, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm bốn chương trình bày dưới đây.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.1. Nghiên cứu lý luận về phòng, chống tham nhũng và pháp luật điều chỉnh trong khu vực tư

Các nghiên cứu trong nước, nước ngoài đã khẳng định khả năng tồn tại tham nhũng trong quan hệ tư; làm rõ quyền được giao, lợi ích không chính đáng, vi phạm nghĩa vụ và vai trò của trách nhiệm pháp nhân. Nghiên cứu quản trị công ty, giao dịch tư lợi, xung đột lợi ích và tuân thủ cung cấp cơ sở phòng ngừa. Vấn đề cần tiếp tục giải quyết là ranh giới khái niệm và mối liên hệ giữa cấu trúc quyền lực doanh nghiệp với hệ thống công cụ pháp luật.

Khoảng trống nghiên cứu đặt ra ở mối liên hệ giữa cấu trúc quyền lực trong doanh nghiệp với cấu trúc quy phạm phòng, chống tham nhũng. Các nghiên cứu về giao dịch có khả năng tư lợi cho thấy công khai lợi ích, phê duyệt và giám sát có thể can thiệp từ giai đoạn rủi ro. Luận án kế thừa những công cụ này để phân tích phòng ngừa, đồng thời giữ ranh giới giữa trạng thái xung đột lợi ích và hành vi lạm dụng quyền đã hình thành. Nhờ đó, đánh giá pháp luật không chỉ dừng ở phạm vi hình sự hóa.

1.2. Nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện

Các công trình đã phân tích mở rộng phạm vi phòng, chống tham nhũng, trách nhiệm hình sự và những khó khăn trong thực thi. Bằng chứng có giới hạn: số vụ án, số bị cáo và chỉ tiêu chi phí không chính thức đo các hiện tượng khác nhau; vụ án lớn không đại diện cho mọi doanh nghiệp. Luận án sử dụng khảo sát để nhận diện bối cảnh, nguồn

xét xử để xem xét áp dụng quy phạm, vụ việc để giải thích cơ chế; tách hạn chế của quy định với hạn chế thực hiện.

1.3. Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện

Nghiên cứu giải pháp tập trung vào hình sự hóa, trách nhiệm tổ chức, kiểm soát nội bộ, bảo vệ người báo cáo và tuân thủ. Những vấn đề còn cần luận giải là phân tầng nghĩa vụ, động lực phòng ngừa và điều kiện tiếp nhận kinh nghiệm quốc tế. Luận án phân biệt nghĩa vụ điều ước, chuẩn mực khuyến nghị và giải pháp quốc gia; cơ chế phòng vệ của pháp luật Anh không được chuyển thành miễn trách nhiệm chung.

1.4. Cơ sở lý thuyết và định hướng phân tích

Lý thuyết ủy quyền – đại diện giải thích bất cân xứng thông tin, nghĩa vụ trung thành và nhu cầu giám sát. Lý thuyết hành động tập thể làm rõ sức ép môi trường và điều kiện khuyến khích báo cáo. Lý thuyết tìm kiếm đặc lợi, kinh tế học pháp luật giúp xem xét động cơ, chế tài và chi phí tuân thủ; tiếp cận thể chế, quản trị doanh nghiệp làm rõ điều kiện vận hành. Khung phân tích liên kết bốn lớp: cấu trúc quyền lực và rủi ro; hành vi; cơ chế pháp luật; kết quả. Lý thuyết định hướng câu hỏi, không thay thế bằng chứng.

1.5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Bốn câu hỏi trung tâm liên quan: bản chất và ranh giới tham nhũng tư; khái niệm, cấu trúc, nguyên tắc và tiêu chí đánh giá pháp luật; kết quả, hạn chế, nguyên nhân tại Việt Nam; giải pháp bảo đảm liêm chính và nghĩa vụ tuân thủ cân xứng.

Giả thuyết trung tâm cho rằng hạn chế hiệu quả gắn với cơ chế điều chỉnh chưa phản ánh đầy đủ đặc thù quyền lực kinh tế – quản trị, quy

phạm phân tán và phân tầng nghĩa vụ chưa đầy đủ. Hoàn thiện theo cấu trúc liên ngành, kết hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý và tuân thủ theo rủi ro có thể cải thiện khả năng kiểm soát. Bốn giả thuyết bộ phận lần lượt về dấu hiệu nhận diện, cấu trúc liên ngành, nguyên nhân hạn chế và mô hình phân hóa nghĩa vụ. Kết quả phân tích củng cố căn cứ lựa chọn chính sách; tác động định lượng của mô hình vẫn cần đánh giá tiếp.

Chương 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KHU VỰC TƯ

2.1. Những vấn đề lý luận về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư

Khu vực tư được xem xét như không gian quan hệ kinh tế, kinh doanh và quản trị dựa trên tự chủ tài sản, tự do kinh doanh, hợp đồng và tự tổ chức, không nhân danh quyền lực nhà nước trong quan hệ đó. Khái niệm khoa học này cần phân biệt với phạm vi "khu vực ngoài nhà nước" của pháp luật thực định và "khu vực kinh tế tư nhân" trong phân tích kinh tế. Hộ kinh doanh không được đồng nhất với doanh nghiệp.

Luận án xác định tham nhũng trong khu vực tư là hành vi cố ý của người có quyền lực, vị trí, chức năng hoặc ảnh hưởng được giao trong quan hệ kinh tế – quản trị, sử dụng quyền đó sai mục đích nhằm đạt lợi ích không chính đáng cho mình hoặc chủ thể khác, qua đó xâm hại hoặc đe dọa xâm hại lợi ích được ủy thác, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, chủ thể liên quan hoặc tính liêm chính của quan hệ kinh tế và thị trường.

Khi xác định trách nhiệm cụ thể vẫn phải đáp ứng điều kiện của ngành luật tương ứng.

Dấu hiệu phân biệt là sự lạm dụng quyền được giao để vụ lợi. Gian lận có thể không chứa quan hệ được giao quyền; vi phạm nghĩa vụ quản lý có thể do thiếu cẩn trọng; xung đột lợi ích là trạng thái rủi ro; giao dịch với bên liên quan có thể hợp pháp. Vi phạm cạnh tranh, chứng khoán, kế toán và rủi ro kinh doanh cũng cần được phân loại theo hành vi. Một vụ án có thể đồng thời chứa tham nhũng nội bộ doanh nghiệp, cấu kết công – tư và vi phạm kinh tế có cơ chế xử lý riêng.

Phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư bao gồm phòng ngừa trong quản trị, phát hiện, xử lý và khắc phục, với sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp và chủ thể liên quan. Mục tiêu là bảo vệ lợi ích được giao phó, quyền kinh doanh hợp pháp và sự vận hành lành mạnh của thị trường.

2.2. Lý luận pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư

Pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư là tổng thể quy phạm có quan hệ chức năng, điều chỉnh phòng ngừa, phát hiện, xử lý và khắc phục sự lạm dụng quyền lực kinh tế – quản trị vì lợi ích không chính đáng. Cơ chế điều chỉnh kết hợp cưỡng chế nhà nước, quản trị và tự kiểm soát doanh nghiệp, trách nhiệm cá nhân, tổ chức và kỷ luật thị trường. Đây là cấu trúc liên ngành có giới hạn chức năng, không bao trùm toàn bộ pháp luật kinh tế.

Các nguyên tắc chủ yếu gồm hợp pháp và rõ ranh giới hành vi; tôn trọng tự do kinh doanh; phòng ngừa dựa trên rủi ro, cân xứng; kết hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục; trách nhiệm phù hợp lỗi và vai

trò; minh bạch, giải trình, bảo vệ nguồn tin; thống nhất liên ngành; tương thích quốc tế có chọn lọc; sử dụng dữ liệu trong khuôn khổ pháp luật.

Nội dung được tổ chức thành năm nhóm: nhận diện hành vi, trách nhiệm pháp lý và khắc phục; quản trị doanh nghiệp, minh bạch, xung đột lợi ích, tuân thủ; kiểm soát rủi ro chứng khoán, ngân hàng, tín dụng; kiểm soát cấu kết, lợi ích không chính đáng trong cạnh tranh và đấu thầu; phát hiện, báo cáo, bảo vệ người cung cấp thông tin và phối hợp thực thi. Cùng một cấu trúc được dùng để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Nguồn pháp luật cần phân biệt theo giá trị pháp lý. UNCAC là điều ước; khuyến nghị OECD và tiêu chuẩn quản trị có tính chất riêng; FCPA và UKBA là pháp luật quốc gia với điều kiện tài phán cụ thể. Quy tắc nội bộ, chứng nhận hoặc hợp đồng không tự tạo thẩm quyền nhà nước hay miễn trách nhiệm.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư

Sự hình thành và vận hành pháp luật chịu ảnh hưởng của cấu trúc kinh tế, đặc điểm doanh nghiệp, chất lượng thể chế, văn hóa quản trị, năng lực thực thi, phối hợp, hội nhập và chuyển đổi số. Những yếu tố này giải thích sự khác nhau về nhu cầu kiểm soát, khả năng tuân thủ và chi phí; đồng thời là căn cứ lựa chọn nghĩa vụ phù hợp thay vì áp dụng một mô hình chung cho mọi doanh nghiệp.

Chương 3
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KHU VỰC TƯ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư

Về nhận diện và trách nhiệm, Luật Phòng, chống tham nhũng đã quy định hành vi trong doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước; Bộ luật Hình sự mở rộng áp dụng các tội tham ô, nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ. Các công cụ dân sự, quản trị, hành chính và chuyên ngành cùng tham gia xử lý, khắc phục. Vấn đề cần hoàn thiện tập trung vào liên kết trách nhiệm cá nhân với tổ chức và giá trị pháp lý của nỗ lực phòng ngừa; các tội tham nhũng chưa thuộc danh mục trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Về quản trị, pháp luật doanh nghiệp xác lập nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng, công khai lợi ích, kiểm soát giao dịch với bên liên quan và quyền của cổ đông, thành viên. Điều 79 Luật Phòng, chống tham nhũng đặt yêu cầu về quy tắc ứng xử, kiểm soát nội bộ; Điều 80 áp dụng một số biện pháp tăng cường cho nhóm chủ thể luật định. Sửa đổi pháp luật doanh nghiệp năm 2025 về chủ sở hữu hưởng lợi hỗ trợ truy nguyên quyền chi phối. Phạm vi nghĩa vụ chung cần được phân biệt với biện pháp tăng cường và yêu cầu chuyên ngành.

Điểm cần xem xét là khả năng người có quyền chi phối vượt qua thủ tục phê duyệt hoặc làm mất tính độc lập của người kiểm soát. Việc có điều lệ, quy tắc và đầy đủ chữ ký chưa đủ để xác nhận giao dịch phục vụ lợi ích doanh nghiệp. Cơ chế minh bạch phải cho phép truy nguyên

lợi ích liên quan, căn cứ ra quyết định và trách nhiệm của người tham gia. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi hỗ trợ nhận diện quyền kiểm soát thực tế, nhưng không thay thế toàn bộ nghĩa vụ xác định người có liên quan theo pháp luật công ty và pháp luật chuyên ngành.

Trong chứng khoán, ngân hàng, tín dụng, quy định về sở hữu, người có liên quan, công bố thông tin, kiểm soát, kiểm toán tạo tuyến phòng ngừa quan trọng. Trong cạnh tranh và đấu thầu, pháp luật kiểm soát thỏa thuận, lựa chọn nhà thầu và hành vi mua chuộc theo phạm vi tương ứng. Quy trình mua sắm tư không mặc nhiên chịu toàn bộ chế độ đấu thầu công; mọi vi phạm thị trường cũng không tự mang bản chất tham nhũng.

Kế toán, kiểm toán và phòng, chống rửa tiền bổ sung khả năng lưu giữ dấu vết, đối chiếu giao dịch và truy tìm lợi ích. Tuy nhiên, báo cáo kiểm toán có phạm vi và giới hạn nghề nghiệp; giao dịch đáng ngờ chỉ là căn cứ định hướng xác minh. Việc kết luận tham nhũng vẫn phải chứng minh quyền được giao, hành vi lạm dụng và lợi ích không chính đáng. Vì vậy, yêu cầu liên thông giữa các cơ chế giám sát phải đi cùng việc giữ đúng thẩm quyền, điều kiện sử dụng thông tin và căn cứ xác lập từng loại trách nhiệm.

Về phát hiện và bảo vệ nguồn tin, pháp luật có cơ chế tiếp nhận, xử lý, bảo vệ, cùng quy định liên quan lao động, dữ liệu và tố tụng. Luật số 132/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn tiếp tục củng cố điều cấm cản trở, trả đũa, trách nhiệm, dữ liệu và thẩm quyền. Vấn đề còn cần cụ thể hóa là đầu mối độc lập, bảo vệ kịp thời trong doanh nghiệp, kết nối kênh thông tin và điều kiện chia sẻ dữ liệu hợp pháp.

Cơ chế phát hiện cần được xem trong quan hệ giữa tự kiểm tra của doanh nghiệp và kiểm soát của Nhà nước. Nghĩa vụ tổ chức phát hiện, thông báo và kiểm soát nội bộ tạo cơ sở chuyển dấu hiệu vi phạm từ quan hệ quản trị sang xử lý theo thẩm quyền. Thanh tra việc thực hiện biện pháp tăng cường có phạm vi chủ thể và điều kiện riêng, không phải căn cứ kiểm tra đồng loạt mọi giao dịch tư. Vì vậy, đánh giá khoảng trống pháp luật phải xác định rõ khâu còn thiếu: nội dung phải báo cáo, đầu mối nhận thông tin, bảo quản chứng cứ hay phản hồi kết quả. Sự tồn tại của nhiều kênh tiếp nhận chỉ phát huy tác dụng khi người cung cấp thông tin biết cách sử dụng và trách nhiệm xử lý được xác định.

3.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư

Trường hợp SCB cho thấy quy định về tham ô trong doanh nghiệp ngoài nhà nước đã được áp dụng, đồng thời bộc lộ khả năng quyền chi phối thực tế vượt qua kiểm soát hình thức. Nhóm hành vi đưa lợi ích cho chủ thể thanh tra, giám sát phải được tách thành cấu kết công – tư. Trường hợp VinaAnh tại Cần Thơ, được xét xử năm 2024, minh họa nhiệm vụ bán hàng, thu hồi công nợ và việc phát hiện qua đối chiếu độc lập. Nguồn rút kinh nghiệm về khắc phục tài sản cho thấy kết án cá nhân chưa giải quyết hết nghĩa vụ hoàn trả, bồi thường.

Từ trường hợp VinaAnh, vấn đề pháp lý cần rút ra là quan hệ giữa nhiệm vụ được giao với tài sản có trách nhiệm quản lý. Chức danh hoặc cấp bậc không thay thế việc chứng minh quyền hạn đối với khoản tiền và hồ sơ liên quan. Việc đối chiếu công nợ độc lập với người thu tiền tạo nguồn phát hiện từ nội bộ, gợi ra chức năng kiểm soát tối thiểu có thể tổ chức ngay trong hoạt động kinh doanh thông thường. Đối với vụ

SCB, trọng tâm lại là truy nguyên quyền chi phối thực tế, mạng lưới giao dịch và khả năng cơ chế giám sát bị vô hiệu hóa.

Thông tin điều tra về Glonics được dùng để giải thích nguy cơ nhiều vị trí mua hàng, kho và thanh toán cùng làm sai lệch hồ sơ; tính chất nguồn điều tra được phân biệt với phán quyết xét xử. Báo cáo phát triển bền vững của PNJ cho thấy nội dung phòng ngừa doanh nghiệp đã công bố, nhưng chưa tự chứng minh hiệu quả vận hành. Những nguồn này giúp xác định chức năng cần kiểm tra, không cho phép suy rộng tình trạng chung.

Đối chiếu các nguồn này cho thấy cần phân biệt việc ban hành quy tắc với việc sử dụng quy tắc. Phân chia quy trình mua hàng, nhập kho và thanh toán chỉ có ý nghĩa khi thông tin giữa các khâu được kiểm tra độc lập; nếu người thực hiện cùng phối hợp làm sai lệch hồ sơ, đủ chữ ký vẫn có thể che giấu giao dịch không thực. Đánh giá chương trình phòng ngừa vì thế cần xem việc xử lý ngoại lệ, phản ứng trước cảnh báo và kết quả khắc phục, thay vì chỉ kiểm đếm quy trình hoặc dựa vào tuyên bố của doanh nghiệp.

Ở cấp độ bằng chứng, tài liệu khảo sát, công bố của doanh nghiệp và nguồn xét xử phải được sử dụng theo chức năng khác nhau. Khảo sát về kiểm soát nội bộ và quy tắc ứng xử có thể gợi mở nhu cầu quản trị; công bố chính sách cho biết thiết kế mà doanh nghiệp lựa chọn; hồ sơ xử lý cho phép xem một nghĩa vụ đã được áp dụng trong tình huống cụ thể. Không nguồn nào riêng lẻ đủ chứng minh hiệu quả của toàn bộ cơ chế phòng ngừa. Đối với kiểm tra và xác nhận thông tin, cần xác định liệu hạn chế bắt nguồn từ dữ liệu bị che giấu, giới hạn nhiệm vụ

hay hành vi vi phạm của chính người giám sát. Kết quả phân biệt này quyết định việc cần sửa nghĩa vụ, nâng năng lực hay xử lý trách nhiệm.

Vụ FLC làm rõ ranh giới gian lận, thao túng thị trường và tham nhũng; vụ AIC tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai minh họa cấu kết công – tư, xử lý và trách nhiệm tài sản. Dữ liệu PCI phản ánh môi trường giao dịch với quản lý công, không trực tiếp đo tham nhũng giữa các chủ thể tư. Luận án phân biệt trung vị địa phương với tỷ lệ toàn mẫu và xem xét riêng dữ liệu sau thay đổi khung đo lường. Nguồn hiện có chưa đủ đánh giá tần suất yêu cầu bảo vệ hay hiệu quả chống trả đũa riêng trong doanh nghiệp tư.

Bảng 1.10 của Báo cáo PCI 2024 ghi nhận trung vị địa phương của chỉ tiêu doanh nghiệp có chi phí không chính thức là 36,61%, so với 33,33% năm 2023. Đây không phải tỷ lệ chung trên toàn bộ mẫu doanh nghiệp cả nước. Chỉ tiêu nhận định về hoa hồng để có cơ hội thắng thầu cũng cần phân biệt với khoản chi thực tế đã phát sinh (VCCI, Báo cáo PCI 2024, tr. 55–56).

Trường hợp AIC còn cho thấy trách nhiệm tài sản của công ty và cá nhân phải được xác định theo căn cứ và quyết định xét xử; việc doanh nghiệp bồi thường không đồng nghĩa pháp nhân đã bị kết án về tội đưa hối lộ. Đối với FLC, các công cụ xử lý gian lận và thao túng thị trường có chức năng riêng. Điểm chung về quyền chi phối, thông tin và giám sát giúp nhận diện nhu cầu phòng ngừa, nhưng không làm các trường hợp mang cùng bản chất pháp lý. Sự phân loại này là cơ sở lựa chọn giải pháp đúng với hành vi và quan hệ lợi ích bị xâm hại.

3.3. Kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong pháp luật và thực tiễn thực hiện

Kết quả chủ yếu là hình thành nền tảng phòng, chống tham nhũng ngoài nhà nước, mạng lưới phòng ngừa liên ngành, các hình thức trách nhiệm và cơ chế khắc phục. Những trường hợp nghiên cứu ghi nhận khả năng áp dụng quy phạm. Sửa đổi pháp luật mới được đánh giá đúng nội dung và thời điểm; dữ liệu 2019–2025 chưa chứng minh tác động của quy định có hiệu lực năm 2026.

Theo sáu nhóm tiêu chí, hạn chế tập trung ở mức cụ thể hóa, khả năng thực hiện và sự liên kết: tiêu chuẩn kiểm soát tối thiểu chưa rõ theo rủi ro; trách nhiệm tổ chức chưa gắn đầy đủ với chất lượng phòng ngừa; động lực tuân thủ thực chất còn hạn chế; bảo vệ nguồn tin cần nối với quan hệ lao động; phối hợp, thống kê, dữ liệu còn cần điều kiện vận hành. Nguyên nhân liên quan cấu trúc doanh nghiệp đa dạng, sở hữu tập trung, quy phạm phân bố ở nhiều lĩnh vực, năng lực chuyên môn và bằng chứng thực tiễn chưa đồng đều. Hạn chế quy định và hạn chế tổ chức thực hiện đòi hỏi giải pháp tương ứng.

Về phạm vi điều chỉnh, hệ thống đã có nghĩa vụ chung và tăng cường nhưng cần làm rõ mức kiểm soát theo rủi ro. Về liên thông, các luật có chức năng bổ trợ nhưng quy trình chuyển thông tin và hậu quả pháp lý cần được kết nối. Về tính rõ ràng, khả thi, cấu thành và nghĩa vụ chuyên ngành có căn cứ cụ thể; chuẩn kiểm soát chung vẫn cần phù hợp từng loại doanh nghiệp.

Về năng lực phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục, các trường hợp áp dụng đã cung cấp bằng chứng nhưng yêu cầu phát hiện sớm và kiểm tra khắc phục còn đặt ra. Về tính cân xứng, sự phân hóa theo loại chủ

thể cần phát triển trên cơ sở rủi ro, nguồn lực và hỗ trợ. Về tương thích quốc tế, phải đánh giá chức năng, điều kiện thực hiện thay vì chỉ đối chiếu tên gọi thiết chế.

Sự phân biệt nguyên nhân có ý nghĩa trực tiếp đối với kiến nghị. Khi nghĩa vụ đã có mà bị cố ý vượt qua, cần tăng khả năng phát hiện, kiểm tra độc lập và xử lý; khi nội dung nghĩa vụ hoặc đầu mối thực hiện chưa đủ rõ, cần cụ thể hóa quy phạm và quy trình. Sở hữu tập trung, bất cân xứng thông tin và nguồn lực kiểm soát khác nhau giữa các doanh nghiệp làm cho một chuẩn tổ chức chung khó bảo đảm tính khả thi. Do đó, hoàn thiện pháp luật phải kết hợp chuẩn nghĩa vụ có thể kiểm chứng với điều kiện thực hiện phù hợp từng mức rủi ro.

Chương 4

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KHU VỰC TƯ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư

Hoàn thiện pháp luật phải gắn với chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, phòng, chống tham nhũng, đổi mới xây dựng pháp luật, hội nhập và chuyển đổi số. Các yêu cầu gồm phòng ngừa và xử lý cân xứng; thống nhất hệ thống; phân hóa nghĩa vụ theo quy mô, lĩnh vực, rủi ro; thực hiện cam kết, tiếp nhận kinh nghiệm phù hợp; bảo đảm quyền, dữ liệu và giải trình. Nghĩa vụ mới phải có căn cứ pháp luật, được đánh giá tác động và không làm mất quyền tự chủ kinh doanh.

4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, chuẩn hóa nhận diện hành vi và tăng chất lượng áp dụng quy định hiện có; phân biệt tham nhũng tư, cấu kết công – tư, tội phạm kinh tế và vụ việc hỗn hợp. Nghiên cứu trách nhiệm tổ chức theo vai trò, lợi ích, chỉ đạo, dung túng hoặc thất bại kiểm soát trong điều kiện luật định. Việc mở rộng trách nhiệm hình sự của pháp nhân hoặc đặt cấu thành riêng phải chứng minh khoảng trống, tính cần thiết và khả năng áp dụng. Khắc phục cần gắn hoàn trả, bồi thường, thu hồi với căn cứ pháp lý và quyền bên thứ ba.

Thiết kế trách nhiệm cần tách trường hợp nhân viên chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp với trường hợp đưa hối lộ đem lại lợi thế cho doanh nghiệp. Ở trường hợp thứ nhất, doanh nghiệp có thể là bên bị hại; thiếu sót kiểm soát không tự chuyển thành trách nhiệm hình sự về hành vi chiếm đoạt. Ở trường hợp thứ hai, trách nhiệm tổ chức phải được xem xét theo căn cứ luật định.

Thứ hai, phân hóa nghĩa vụ thành ba tầng. Tầng nền tảng gồm quy tắc ứng xử, phê duyệt giao dịch có xung đột, phân tách chức năng thích hợp, tiếp nhận phản ánh, lưu hồ sơ và trách nhiệm người đứng đầu. Tầng tăng cường bổ sung đánh giá rủi ro định kỳ, kiểm soát trung gian, quà tặng, giao dịch liên quan, đào tạo vị trí nhạy cảm. Tầng nâng cao hướng tới tuân thủ độc lập, kiểm toán, thẩm định, điều tra nội bộ và theo dõi khắc phục. Đây là đề xuất, ngưỡng áp dụng còn cần đánh giá tác động.

Việc phân tầng không nên chỉ căn cứ vào doanh thu hoặc gắn cố định doanh nghiệp vào một nhóm. Doanh nghiệp nhỏ vẫn có thể cần

kiểm soát tăng cường khi sử dụng trung gian trong giao dịch nhạy cảm; doanh nghiệp đã chịu chuẩn quản trị chuyên ngành cần được tích hợp yêu cầu để tránh trùng lặp. Pháp luật xác lập nguyên tắc, phạm vi và nghĩa vụ nền tảng; ngưỡng, tiêu chí và cách tổ chức được cụ thể hóa đúng thẩm quyền, có thời gian chuẩn bị và đánh giá lại. Hộ kinh doanh phải được xem xét theo chế độ riêng, không đồng nhất với doanh nghiệp.

Chương trình tuân thủ được xem xét theo vận hành, nguồn lực, kiểm soát bên thứ ba, phản ứng trước cảnh báo và khắc phục. Giá trị pháp lý phải gắn với cơ chế trách nhiệm xác định; chứng nhận hoặc hồ sơ không tự tạo miễn trừ. Kiểm soát xung đột lợi ích cần xuyên suốt nhận diện, khai báo, quyết định độc lập, lưu hồ sơ và giám sát.

Đối với giao dịch có xung đột lợi ích, việc rút khỏi biểu quyết chưa đủ nếu người phê duyệt còn lại vẫn lệ thuộc vào chủ thể có lợi ích. Luận án đề xuất kiểm tra độc lập phù hợp mô hình công ty, công khai căn cứ định giá và lưu ý kiến phản đối. Doanh nghiệp nhỏ có thể sử dụng khai báo, hồ sơ xác nhận và đối chiếu theo rủi ro. Khi đánh giá tuân thủ, việc doanh nghiệp tự phát hiện vi phạm cần được xem cùng biện pháp phòng ngừa trước đó, mức độ hợp tác và khắc phục; không thể chỉ từ sự xuất hiện vi phạm mà kết luận toàn bộ chương trình không có giá trị.

Thứ ba, trong chứng khoán, ngân hàng và tín dụng, tăng khả năng truy nguyên quyền kiểm soát, giao dịch liên quan, trách nhiệm kiểm toán và dịch vụ chuyên môn; tích hợp vào hệ thống hiện có để giảm trùng lặp. Thứ tư, làm rõ phân công công cụ cạnh tranh, đấu thầu, quản

trị và chống hối lộ; kiểm soát trung gian, chứng từ dịch vụ, thanh toán, chuyển dấu hiệu đúng thẩm quyền.

Trong thị trường vốn và tín dụng, trọng tâm của giải pháp là khả năng nhận diện quan hệ kiểm soát thực tế và phản ứng trước thông tin bất thường. Kiểm soát sở hữu, bên liên quan và giao dịch phải gắn với thẩm định, kiểm toán và trách nhiệm giải trình của người quyết định. Đối với cạnh tranh và mua sắm, cần kiểm tra đồng thời khả năng mua chuộc người được giao quyền, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và vi phạm nghĩa vụ quản trị hoặc hợp đồng. Kiểm soát môi giới, đại lý và khoản thanh toán cần làm rõ dịch vụ thực tế, căn cứ hưởng hoa hồng và người thụ hưởng. Cách tiếp cận này giúp lựa chọn công cụ xử lý phù hợp mà không mặc nhiên đưa mọi giao dịch mua sắm tư vào chế độ đấu thầu công.

Thứ năm, cụ thể hóa bảo vệ người cung cấp thông tin trong quan hệ doanh nghiệp: kênh tiếp nhận độc lập, bảo mật, biện pháp ngăn trả đũa, khắc phục thiệt hại, quyền giải trình của người bị phản ánh. Chia sẻ dữ liệu, chuyển nguồn tin phải rõ chủ thể, mục đích, phạm vi, thời hạn, bảo mật và trách nhiệm.

Bảo vệ nguồn tin cần phân biệt biện pháp kịp thời ngăn sa thải, điều chuyển hoặc tác động bất lợi với việc khôi phục và bồi thường sau thiệt hại. Việc không chứng minh được vi phạm không tự đồng nghĩa người báo cáo cố ý sai sự thật; cần xem căn cứ hợp lý tại thời điểm cung cấp thông tin. Đồng thời, quy trình phải kiểm tra xung đột lợi ích của người xử lý, bảo đảm bí mật và quyền giải trình của người bị phản ánh. Thuê đầu mối bên ngoài hoặc dùng chung không làm mất trách nhiệm của doanh nghiệp và không tạo thêm thẩm quyền điều tra.

4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay

Nâng năng lực thực thi theo nhiệm vụ, chú trọng điều tra tài chính, kiểm soát quyền được giao, dữ liệu điện tử và cơ chế rút kinh nghiệm. Phối hợp phải xác định đầu mối, hồ sơ, thời hạn và phản hồi trong giới hạn thẩm quyền. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng mẫu kiểm soát, đào tạo theo tình huống, công cụ dùng chung; tránh biến hỗ trợ thành thủ tục hoặc chứng nhận bắt buộc mới.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tập trung vào những chức năng có thể thực hiện với nguồn lực hạn chế: khai báo lợi ích, phân công người phê duyệt, đối chiếu thu tiền và công nợ, kiểm tra chứng từ, tiếp nhận phản ánh và lưu hồ sơ. Biểu mẫu dùng chung phải giúp người quản lý biết ai chịu trách nhiệm và khi nào cần kiểm tra thêm, không chỉ bổ sung giấy tờ. Với doanh nghiệp có nhiều giao dịch hoặc quyền sở hữu tập trung, hỗ trợ cần đi sâu vào kiểm soát bên liên quan, ngoại lệ và khả năng người đứng đầu bỏ qua quy trình. Hoạt động đào tạo nên gắn với tình huống mua hàng, bán hàng, thanh toán và lựa chọn trung gian để người thực hiện nhận diện được dấu hiệu rủi ro trong công việc hằng ngày. Mẫu tham khảo phải được phân biệt rõ với nghĩa vụ bắt buộc; việc sử dụng dịch vụ tư vấn không chuyển trách nhiệm quản trị của doanh nghiệp sang đơn vị cung cấp dịch vụ.

Doanh nghiệp cần vận hành kênh phản ánh có phương án khi người bị phản ánh là lãnh đạo hoặc người chi phối. Thống kê cần phân biệt tham nhũng tư – tư, công – tư, vụ việc hỗn hợp và tội phạm kinh tế; ghi nhận nguồn phát hiện, kết quả và khắc phục. Phân tích dữ liệu hỗ trợ lựa chọn vấn đề kiểm tra, đi cùng căn cứ truy cập, lưu vết, bảo mật và

kiểm tra của người có thẩm quyền. Hợp tác quốc tế tập trung tương trợ, truy tìm tài sản và hỗ trợ tuân thủ xuyên biên giới.

Về dữ liệu, cần thống nhất đơn vị ghi nhận và phân loại hành vi trước khi tổng hợp số vụ, số người hoặc kết quả thu hồi tài sản. Một vụ việc hỗn hợp có thể chứa nhiều loại hành vi nên không thể chỉ dựa vào tên doanh nghiệp hoặc tội danh nổi bật để xếp loại toàn bộ. Hồ sơ thống kê cần cho phép xác định nguồn phát hiện, cơ quan tiếp nhận, kết quả chuyển thông tin và khắc phục, đồng thời bảo vệ danh tính và bí mật hợp pháp. Phân tích dữ liệu có thể hỗ trợ lựa chọn giao dịch cần kiểm tra, nhưng tín hiệu bất thường chưa thay thế chứng cứ. Quyền truy cập, mục đích khai thác, lưu vết sử dụng và trách nhiệm kiểm chứng phải được xác định trước khi kết nối hệ thống.

Lộ trình đề xuất ưu tiên năm 2026–2027 cho hướng dẫn hiện hành, thống kê, công cụ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo vệ nguồn tin, phối hợp dữ liệu; năm 2028–2030 đánh giá, điều chỉnh phân tầng và nghiên cứu thay đổi sâu khi có bằng chứng. Nguồn lực tập trung công cụ dùng chung; theo dõi chất lượng phát hiện, xử lý, khôi phục tài sản, chi phí và tác động để điều chỉnh.

Theo dõi kết quả cần chú trọng tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn, nguồn phát hiện từ kiểm soát nội bộ, thời gian chuyển thông tin, khả năng khôi phục tài sản và chi phí tuân thủ. Số văn bản, lớp tập huấn hoặc cuộc kiểm tra mới phản ánh hoạt động, chưa thay thế hiệu quả. Mỗi nhiệm vụ phải có chủ thể đúng thẩm quyền, sản phẩm và cơ chế phản hồi; nguồn lực ưu tiên tài liệu chính thức, mẫu kiểm soát và hạ tầng dùng chung. Các nghĩa vụ có chi phí đáng kể cần được đánh giá cả

chi phí thiết lập, duy trì và tác động đến quyết định kinh doanh để điều chỉnh khi triển khai.

KẾT LUẬN

Phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư là yêu cầu của việc bảo vệ quan hệ quản trị, lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế và sự vận hành lành mạnh của thị trường. Dưới góc độ Luật kinh tế, vấn đề này cần được nghiên cứu từ cách quyền lực được hình thành, trao và thực hiện trong doanh nghiệp, đến cơ chế pháp luật ngăn việc sử dụng quyền ấy vì lợi ích không chính đáng. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và thực tiễn Việt Nam, luận án rút ra những kết luận chủ yếu sau đây.

Căn cứ thực tiễn của luận án được tổ chức từ khảo sát công bố, tài liệu doanh nghiệp và nguồn về xét xử, xử lý, gắn với chức năng chứng minh của từng loại. Sự kết hợp này cho phép nhận diện việc áp dụng công cụ pháp luật, tổ chức phòng ngừa và những điểm yếu trong vận hành, đồng thời giữ giới hạn đối với mức độ phổ biến, quan hệ nhân quả và tác động định lượng. Việc phân biệt nguồn, thời điểm và phạm vi kết luận là điều kiện để các kiến nghị có thể tiếp tục được đánh giá khi triển khai.

Thứ nhất, tham nhũng trong khu vực tư có thể được nhận diện từ sự lạm dụng quyền hoặc vị trí được giao, mục đích đạt lợi ích không chính đáng và việc làm sai lệch nghĩa vụ, xâm hại lợi ích được pháp luật bảo vệ. Nguồn của quyền lực có thể là quan hệ sở hữu, quản trị, đại diện, quản lý tài sản hoặc thông tin; việc xác định trách nhiệm cụ thể vẫn phải tuân thủ điều kiện của ngành luật tương ứng. Cách nhận diện này giúp phân biệt tham nhũng với gian lận, xung đột lợi ích, giao dịch có khả

năng tư lợi và rủi ro kinh doanh. Những hiện tượng gần gũi có thể liên hệ với tham nhũng nhưng không tự thân đồng nhất với nó.

Sự phân biệt giữa khu vực tư, khu vực ngoài nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân có ý nghĩa trong xác định đối tượng và sử dụng dữ liệu. Khái niệm khoa học phục vụ phân tích quyền lực và quan hệ lợi ích không thay thế phạm vi chủ thể của pháp luật thực định. Các vụ việc có doanh nghiệp tham gia phải được phân loại theo hành vi: quyền quản trị tư bị lạm dụng, quyền lực công bị mua chuộc, hoặc hành vi kinh tế có chế độ xử lý riêng. Việc giữ ranh giới này giúp tránh mở rộng khái niệm đến mức mọi vi phạm kinh doanh đều được coi là tham nhũng.

Thứ hai, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư là tổng thể quy phạm có tính liên ngành, thực hiện các chức năng phòng ngừa, phát hiện, xử lý và khắc phục. Quy phạm được tổ chức theo năm nhóm nội dung thống nhất: nhận diện hành vi và trách nhiệm; quản trị, minh bạch, xung đột lợi ích và tuân thủ; kiểm soát chứng khoán, ngân hàng và tín dụng; kiểm soát cấu kết trong cạnh tranh, đấu thầu; phát hiện, bảo vệ nguồn tin và phối hợp thực thi. Pháp luật hình sự giữ vai trò quan trọng nhưng không thay thế các công cụ quản trị và bảo vệ quyền tư. Tính liên ngành đòi hỏi sự liên thông theo chức năng, có giới hạn và trách nhiệm rõ ràng.

Thứ ba, pháp luật Việt Nam đã có nền tảng đáng kể để kiểm soát tham nhũng ngoài khu vực nhà nước. Luật Phòng, chống tham nhũng xác lập trách nhiệm chung cùng một số biện pháp tăng cường; Bộ luật Hình sự đã mở rộng phạm vi áp dụng của các tội danh liên quan; pháp luật doanh nghiệp và chuyên ngành bổ sung nghĩa vụ trung thành, minh bạch, kiểm soát và các cơ chế trách nhiệm. Những trường hợp xét xử

và khắc phục được nghiên cứu cho thấy quy định có khả năng áp dụng trong các quan hệ cụ thể. Vì vậy, không thể đánh giá thực trạng theo giả định pháp luật hoàn toàn chưa điều chỉnh tham nhũng tư.

Luật số 132/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 tiếp tục củng cố một số nội dung về phạm vi, hành vi bị nghiêm cấm, bảo vệ nguồn tin, dữ liệu và thẩm quyền; văn bản hướng dẫn tiếp tục cụ thể hóa theo mô hình tổ chức mới. Các kết quả này cần được ghi nhận khi xác định nhu cầu hoàn thiện. Đồng thời, hiệu lực của quy định mới khác với hiệu quả thực hiện: dữ liệu 2019-2025 không thể được dùng để khẳng định tác động của những sửa đổi có hiệu lực sau giai đoạn đó.

Thứ tư, hạn chế còn lại chủ yếu liên quan khả năng thực hiện và liên kết giữa các tầng nghĩa vụ, trách nhiệm. Phân hóa theo loại chủ thể chưa giải quyết đầy đủ mức kiểm soát phù hợp với rủi ro; trách nhiệm của tổ chức chưa gắn rõ với chất lượng phòng ngừa; cơ chế nguồn tin, dữ liệu và phối hợp còn cần điều kiện cụ thể. Các trường hợp thực tiễn cho thấy thủ tục có thể bị vượt qua hoặc bị chi phối, và việc xử lý hình phạt chưa thay thế yêu cầu khôi phục lợi ích bị xâm hại. Những nhận định về cơ chế được rút ra từ nguồn có thể kiểm chứng; luận án không coi các trường hợp này là mẫu đại diện để ước lượng mức độ phổ biến của tham nhũng tư.

Thứ năm, hướng hoàn thiện phù hợp là củng cố chuẩn nghĩa vụ có thể thực hiện, phân hóa theo quy mô, lĩnh vực và rủi ro, đồng thời nâng trách nhiệm quản trị và khả năng kiểm tra. Chương trình tuân thủ cần được đánh giá từ sự vận hành và phản ứng đối với cảnh báo, không chỉ từ việc có quy tắc hoặc chứng nhận. Giá trị pháp lý của nỗ lực phòng ngừa phải được đặt trong một chế độ trách nhiệm xác định; không thể

chuyển cơ chế phòng vệ đặc thù của nước ngoài thành miễn trách nhiệm chung. Đối với thay đổi sâu về pháp nhân thương mại hoặc cấu thành tội phạm, phải chứng minh khoảng trống, sự cần thiết và điều kiện áp dụng.

Thứ sáu, hiệu quả thực hiện cần được nâng bằng năng lực chuyên môn, sự phối hợp có thẩm quyền, hỗ trợ doanh nghiệp và bảo vệ người cung cấp thông tin. Chuẩn hóa thống kê giúp phân biệt hành vi, nguồn phát hiện và kết quả; dữ liệu và công nghệ hỗ trợ kiểm tra phải đi cùng căn cứ truy cập, bảo mật và khả năng giải trình. Lộ trình triển khai cần ưu tiên những công việc có thể sử dụng chung, đánh giá chi phí và theo dõi tác động để điều chỉnh. Tăng số lượng thủ tục không tự bảo đảm tăng khả năng kiểm soát.

Kết quả nghiên cứu củng cố cơ sở của các giả thuyết về bản chất quyền lực, cấu trúc pháp luật liên ngành và nhu cầu gắn phòng ngừa với trách nhiệm. Đối với mô hình nghĩa vụ theo rủi ro, luận án cung cấp luận cứ lựa chọn và điều kiện thiết kế; tác động định lượng vẫn cần tiếp tục được đánh giá. Những hướng nghiên cứu tiếp theo gồm chi phí và hiệu quả kiểm soát theo ngành, cơ chế trách nhiệm tổ chức, bảo vệ người báo cáo trong quan hệ lao động và sử dụng dữ liệu làm chứng cứ. Việc tiếp tục nghiên cứu các nội dung này góp phần bảo đảm pháp luật kiểm soát có hiệu quả hành vi vụ lợi, đồng thời bảo vệ quyền kinh doanh hợp pháp và sự phát triển của khu vực tư.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đoàn Hồng Ngọc (2025), "Tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước tại Việt Nam hiện nay và một số giải pháp phòng, chống thời gian tới", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, tháng 6/2025.
2. Đoàn Hồng Ngọc (2026), "Phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay" – *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, tháng 1/2026.
3. Đoàn Hồng Ngọc (2026), "Chủ thể phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư" – *Tạp chí Kiểm sát*, số 2/2026.